

Tranh tụng trong tố tụng hình sự của Nhật Bản - Kinh nghiệm cho Việt Nam

Trương Thị Thu Trang^(*)

Tóm tắt: *Pháp luật Nhật Bản đương đại là sự kết hợp đặc biệt của hệ thống pháp luật châu Âu lục địa với hệ thống pháp luật Anh - Mỹ. Trong nhiều thế kỷ, Nhật Bản đã khôn khéo trong việc học hỏi kinh nghiệm nước ngoài để xây dựng hệ thống pháp luật nước mình. Mô hình tố tụng hình sự Nhật Bản với sự kết hợp một số yếu tố hợp lý của tố tụng tranh tụng vào tố tụng thẩm vấn truyền thống là kinh nghiệm rất đáng để Việt Nam nghiên cứu, tiếp thu trong xây dựng, hoàn thiện mô hình tố tụng hình sự cho phù hợp với điều kiện thực tiễn và truyền thống pháp lý đất nước.*

Từ khóa: Tố tụng hình sự, Tố tụng tranh tụng, Tố tụng thẩm vấn, Nhật Bản, Việt Nam

I. Tranh tụng trong tố tụng hình sự của Nhật Bản

Từ thế kỷ XIX, thời kỳ Minh Trị, khi nước Nhật Bản được cải cách toàn diện, Bộ luật Hướng dẫn hình sự năm 1880 được ban hành với mô hình tố tụng thẩm vấn giống của Pháp. Năm 1922, Bộ luật Tố tụng hình sự sửa đổi được ban hành và có hiệu lực từ năm 1924, chuyển từ mô hình tố tụng của Pháp sang mô hình tố tụng của Đức, theo đó quan tòa là người chủ tọa, dẫn dắt cuộc họp, giải quyết tranh luận. Nhưng điểm khác của mô hình tố tụng hình sự Nhật Bản so với mô hình tố tụng hình sự của Đức là chế định tùy nghi truy tố của Công tố viên^(**). Năm 1948, Bộ luật Tố tụng hình sự mới được ban

hành thể hiện sự tiếp thu gần như hoàn toàn mô hình tranh tụng của Hoa Kỳ với các quy định về nguyên tắc tranh tụng, điều tra thu thập tài liệu, chứng cứ, hạn chế trong việc chấp nhận chứng cứ gián tiếp..., ngoại trừ chế định xét xử có Bồi thẩm đoàn. Nhờ không tiếp thu chế định bồi thẩm của Mỹ mà thẩm quyền của Thẩm phán ở Nhật Bản rộng hơn thẩm quyền của Thẩm phán ở Mỹ. Trong thủ tục tố tụng, có sự thay đổi phương thức thẩm vấn nhân chứng theo kiểu tố tụng đối kháng.

Năm 2004, với những nỗ lực để cải cách tư pháp về tố tụng hình sự, Quốc hội Nhật Bản đã ban hành Bộ luật Tố tụng hình sự sửa đổi, trong đó sửa đổi phần 1 của Bộ luật Tố tụng hình sự nhằm hoàn thiện các thủ tục tố tụng trước phiên tòa và kiện toàn việc công khai chứng cứ tại phiên tòa trên cơ sở quan điểm cải cách tư pháp và giải quyết các yêu cầu thực tiễn.

^(*) TS., Viện Thông tin Khoa học xã hội; Email: truongthutrangissi@yahoo.com

^(**) Nguyên tắc tùy nghi truy tố cho phép Công tố viên có quyền lựa chọn truy tố tội phạm.

Bộ luật Tố tụng hình sự Nhật Bản hiện hành sử dụng phương pháp của cả hai hệ thống tố tụng tranh tụng và thẩm vấn, vừa áp dụng nguyên tắc tranh tụng, đồng thời vừa chú trọng phương pháp điều tra, thẩm vấn. Tính chất tranh tụng trong tố tụng hình sự của Nhật Bản thể hiện ở hàng loạt quy định về yêu cầu và xác định chứng cứ chứng minh; kiểm tra nhân chứng; vị trí bình đẳng như nhau của các bên tranh tụng; nguyên tắc chỉ gửi bản cáo trạng nhằm loại bỏ thành kiến của Tòa án khi xét xử; giới hạn xét xử của Tòa án chỉ trong phạm vi buộc tội mà Công tố viên đưa ra; việc tranh tụng của các bên; vị trí độc lập của Tòa án đối với các bên... Bên cạnh đó, một số nguyên tắc của tố tụng thẩm vấn cũng được sử dụng như việc đương nhiên xác minh chứng cứ của Tòa án, xét xử không có Bồi thẩm đoàn, Tòa án có thể điều hành việc kiểm tra bằng chứng theo thẩm quyền của mình khi xét thấy cần thiết. Trong quá trình xét xử, nếu xét thấy hợp lý Tòa án có thể bổ sung hoặc thay đổi lý do, thay đổi điều khoản áp dụng hình phạt.

Bộ luật Tố tụng hình sự Nhật Bản phân chia quá trình tố tụng hình sự thành 4 giai đoạn: Giai đoạn điều tra, giai đoạn xét xử, giai đoạn truy tố và giai đoạn thi hành án. Trong mỗi giai đoạn đều xác định rõ vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của mỗi chủ thể tham gia tố tụng. Giai đoạn điều tra có sự tham gia của ba cơ quan là cơ quan Cảnh sát, Viện Công tố và Tòa án. Cơ quan Cảnh sát và Viện Công tố tiến hành điều tra phát hiện tội phạm, Tòa án ban hành lệnh bắt, tạm giữ, tạm giam theo đề nghị của cơ quan điều tra, Viện Công tố. Giai đoạn truy tố gắn liền với vai trò của cơ quan công tố và Công tố viên (với quyền tùy nghi truy tố).

Giai đoạn xét xử được thực hiện theo nguyên tắc tranh tụng, có sự tham gia của Thẩm phán, Công tố viên, luật sư bào chữa. Công tố viên chuyển cáo trạng cho Thẩm phán và chuẩn bị tài liệu, chứng cứ để trình bày trước Tòa, tranh luận với luật sư và luật sư cũng chuẩn bị tài liệu, chứng cứ để tranh luận với Công tố viên. Các hoạt động tố tụng tại phiên tòa do Thẩm phán điều khiển. Sau khi nghe các bên tranh luận, Thẩm phán tự đánh giá chứng cứ và rút ra kết luận rồi tuyên án. Giai đoạn thi hành án được bắt đầu khi bản án có hiệu lực (sau 2 tuần kể từ khi tuyên án). Cơ quan công tố có quyền ra quyết định thi hành án và giám sát việc thi hành án. Các trại cải tạo chịu trách nhiệm tổ chức lao động cải tạo và quản lý phạm nhân.

Như vậy, trong 5 chủ thể tham gia tố tụng thì cảnh sát, luật sư, cơ quan thi hành án đóng vai trò quan trọng trong một giai đoạn tố tụng, Tòa án đóng vai trò quan trọng không chỉ ở giai đoạn xét xử mà cả giai đoạn điều tra, chỉ có Viện Công tố là cơ quan duy nhất có vai trò quan trọng suốt cả quá trình tố tụng: điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án. Công tố viên không chỉ có “*độc quyền truy tố*” mà còn có thẩm quyền điều tra tội phạm, giám sát việc thi hành các quyết định của Tòa án, yêu cầu Tòa án áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án hình sự và thực hiện những công việc theo quy định của pháp luật với tư cách là người đại diện cho lợi ích công.

Nhật Bản quy định, Công tố viên, bị cáo và người bào chữa có vị trí bình đẳng trong tham gia quá trình tố tụng. Do bị cáo có thể không có chuyên môn pháp lý và họ cũng không có bất kỳ quyền hạn gì để thu thập bằng chứng trong giai đoạn điều tra nên Bộ luật Tố tụng hình sự quy định họ có một số quyền để bảo đảm được bình

đăng về phương diện pháp lý: Quyền có luật sư biện hộ, quyền yêu cầu chỉ định một luật sư biện hộ chính thức, quyền được liên lạc và phỏng vấn, quyền giữ im lặng... Bên cạnh đó, bị cáo có nghĩa vụ hợp tác như nghĩa vụ có mặt tại tòa án, ở lại tòa và giữ trật tự tại tòa^(*).

Bị cáo và luật sư biện hộ có địa vị bình đẳng với Công tố viên và đưa ra những lập luận chống lại cáo buộc của Công tố viên. Bị cáo, người bào chữa có quyền tham gia các hoạt động khám xét, thu giữ, yêu cầu và kiểm tra chứng cứ, chất vấn nhân chứng, tranh luận về bắt buộc chứng minh chứng cứ, phản đối việc kiểm tra chứng cứ. Bị cáo cũng có quyền yêu cầu nhập các vụ án để xét xử, chuyển vụ án, quyền đưa ra quan điểm phản bác, quyền được tiếp nhận các văn bản của Tòa án, yêu cầu thay đổi ngày xét xử^(**).

Thẩm phán có vai trò như một trọng tài, có quyền đưa ra phán quyết công bằng trên cơ sở bằng chứng mà Công tố viên và luật sư bào chữa đưa ra. Điều này được bảo đảm trên nguyên tắc loại trừ định kiến, chỉ đệ trình cáo trạng. Nội dung cáo trạng được trình lên Thẩm phán hết sức ngắn gọn và cô đọng, chỉ bao gồm tên và những thông tin khác về nhân thân của bị cáo, những sự kiện cấu thành tội phạm bị truy tố, tội danh. Việc nắm giữ và xử lý tài liệu điều tra được giao cho Công tố viên nhằm tránh không để Thẩm phán bị tác động bởi kết quả điều tra trong việc ra phán quyết.

Trong giai đoạn xét xử, Công tố viên chịu trách nhiệm chứng minh theo nguyên tắc tranh tụng, chỉ đệ trình cáo trạng.

Thẩm phán xét xử công bằng và không định kiến. Trước khi bắt đầu phiên tòa, Thẩm phán chỉ được đọc cáo trạng. Tất cả các tài liệu và chứng cứ thu thập được trong giai đoạn điều tra do Công tố viên giữ và lựa chọn, trình lên Tòa án với tư cách là bằng chứng theo quyết định của Công tố viên.

Nhằm ngăn chặn việc Tòa án hình thành định kiến trước khi xét xử, Tòa án chỉ xét xử tội trạng của bị cáo trên cơ sở quyết định truy tố của Viện Công tố trình bày trước phiên tòa. Công tố viên có quyền thay đổi, bổ sung hoặc rút quyết định truy tố trước và trong khi mở phiên tòa. Tại phiên tòa, việc thay đổi, bổ sung quyết định truy tố không được dẫn đến việc thay đổi về tội danh, chỉ có thể khác về thông tin liên quan đến quyết định hình phạt để đảm bảo quyền bào chữa của bị can, bị cáo.

Về mặt lý thuyết, Tòa án có quyền xử tội danh nhẹ hơn tội danh mà Viện Công tố đã truy tố, song trên thực tế Tòa án vẫn cần có sự đồng ý của Công tố viên. Trong quá trình chứng minh tại phiên tòa, khi xét thấy cần xử bị cáo về tội danh nặng hơn thì Công tố viên thay đổi cáo trạng, nếu không Tòa sẽ yêu cầu Công tố viên làm điều đó. Trong trường hợp này Tòa án phải hoãn phiên tòa để tạo điều kiện cho Công tố viên thay đổi cáo trạng và không gây hại đến quyền được bào chữa của bị cáo^(*).

Thủ tục xét xử được tổ chức theo nguyên tắc tranh tụng. Công tố viên, bị cáo và luật sư có quyền tranh tụng về bằng chứng đưa ra. Bị cáo có quyền giữ im lặng trong toàn bộ quá trình xét xử hoặc từ chối trả lời những câu hỏi có tính chất riêng tư. Các bên có quyền bác bỏ việc kiểm tra

(*) Các điều 301, 36, 39, 3111 Bộ luật Tố tụng hình sự Nhật Bản.

(**) Các điều 113-1, 142, 157, 2981, 308, 3091, 8, 191, 21, 49, 276 Bộ luật Tố tụng hình sự Nhật Bản.

(*) Điều 312 Bộ luật Tố tụng hình sự Nhật Bản.

bằng chứng, bác bỏ biện pháp do Thẩm phán chủ tọa đưa ra. Công tố viên hoặc bị cáo có thể kháng cáo. Tuy nhiên, việc xét xử không có sự tham gia của Bồi thẩm đoàn, và đây là điểm khác biệt của tố tụng hình sự Nhật Bản so với mô hình tố tụng tranh tụng^(*).

Việc thẩm vấn các nhân chứng và bị cáo của Thẩm phán chỉ là phụ. Tòa án có thể thay đổi lịch xét xử, thay đổi chủ tọa phiên tòa, hạn chế việc thẩm vấn và lấy lời khai, tạm hoãn và mở phiên tòa mới.

Tố tụng hình sự Nhật Bản vận dụng nguyên tắc điều tra chính xác trên cơ sở áp dụng luật chứng cứ, không truy tố nếu khả năng phán quyết có tội không cao và chế độ xét xử không có bồi thẩm. Đây chính là những đặc điểm cơ bản của hệ tố tụng hình sự tranh tụng mà Nhật Bản đã tiếp thu và thể hiện trong mô hình tố tụng hình sự của mình.

Với mô hình tố tụng hình sự vừa có tính chất của tố tụng tranh tụng, vừa mang đặc điểm của hệ tố tụng hình sự thẩm vấn, tố tụng hình sự Nhật Bản đã đạt được mục đích *“làm sáng tỏ những tình tiết của vụ án cũng như áp dụng và thực thi việc trừng trị một cách nhanh chóng tội phạm trong khi vẫn xem xét đầy đủ việc duy trì phúc lợi công và bảo đảm nhân quyền đối với từng cá nhân”*^(**).

II. Kinh nghiệm cho tranh tụng trong tố tụng hình sự ở Việt Nam

Việt Nam hiện đang áp dụng mô hình tố tụng pha trộn giữa thẩm vấn và tranh tụng (giống như Nhật Bản) nhưng thiên về thẩm vấn. Điều tra, thẩm vấn là phương pháp chủ yếu được áp dụng ở tất cả các giai đoạn tố tụng, thậm chí tại phiên tòa.

Việc tổ chức các hoạt động tố tụng hình sự đang có sự chồng lấn, mâu thuẫn giữa các chức năng cơ bản của tố tụng hình sự. Cùng một chủ thể nhưng lại được giao nhiều chức năng tố tụng khác nhau. Tòa án có vai trò quá chủ động, tích cực trong phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm và đang được giao thực hiện một số thẩm quyền không phù hợp với chức năng xét xử (khởi tố vụ án, trả hồ sơ cho Viện Kiểm sát để điều tra bổ sung...). Vai trò của Viện Kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm còn khá mờ nhạt, không tạo cơ sở phát huy tính chủ động, tích cực và trách nhiệm của cơ quan buộc tội. Đặc biệt, vai trò của người bào chữa còn yếu ớt; chưa có những quy định để bảo vệ quyền của người bào chữa trong việc thực hiện quyền tố tụng. Việc thu thập chứng cứ, yếu tố quan trọng nhất liên quan đến việc định tội hoàn toàn do cơ quan nhà nước với những chức năng tố tụng khác nhau hình thành nên hồ sơ vụ án có xu hướng thiên về chứng cứ buộc tội mà thiếu chứng cứ gỡ tội, dẫn đến quyền suy đoán vô tội của bị cáo khó được tôn trọng một cách thực sự.

Để hoàn thiện mô hình tố tụng hình sự trong thời gian tới, Việt Nam có thể tiếp thu các kinh nghiệm của Nhật Bản gồm:

Thứ nhất, cần phân định rành mạch các chức năng cơ bản của tố tụng hình sự: buộc tội, bào chữa và xét xử; đưa các chủ thể về đúng vị trí, vai trò tố tụng của mình. Theo đó, Cơ quan điều tra chịu trách nhiệm hoàn toàn về hoạt động và kết quả điều tra, Viện Kiểm sát chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động truy tố và thực hành quyền công tố tại phiên tòa, Tòa án chịu trách nhiệm về hoạt động xét xử vụ án hình sự. Tòa án phải có thái độ khách quan, vô tư và công minh. Hội đồng

(*) Các điều 308, 311, 351 Bộ luật Tố tụng hình sự Nhật Bản.

(**) Điều 1 Bộ luật Tố tụng hình sự Nhật Bản.

xét xử không thể bị ràng buộc bởi các yêu cầu, đề nghị của các bên, Tòa án không được biểu lộ chính kiến của mình về những vấn đề thuộc nội dung vụ án, cũng như kết luận về các chứng cứ đang được xác minh, xem xét tại phiên tòa.

Thứ hai, cần quy định đầy đủ các quyền và xây dựng cơ chế bảo đảm thực hiện quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự; tạo các điều kiện về pháp lý và thực tiễn để bị can, bị cáo và người bào chữa của họ thực hiện quyền chứng minh sự vô tội hoặc giảm tội, giảm nhẹ hình phạt; có biện pháp chế tài để xử lý kịp thời, nghiêm minh hành vi vi phạm quyền của những người tham gia tố tụng, nhất là vi phạm từ phía các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Thứ ba, cần phải tạo được cơ chế bảo đảm sự bình đẳng giữa bên buộc tội và bên bào chữa trong việc thực thi các chức năng buộc tội và bào chữa, nâng cao vai trò của người bào chữa trong các giai đoạn tố tụng. Đây không chỉ là cơ sở để bảo vệ quyền lợi của phía bị buộc tội mà việc tăng cường tranh tụng trong tố tụng hình sự còn có ý nghĩa rất quan trọng trong việc nâng cao tính dân chủ, công bằng trong quá trình giải quyết vụ án.

Các bên buộc tội và gỡ tội có vị trí bình đẳng, được tạo điều kiện, cơ hội ngang nhau về quyền đưa ra chứng cứ, lập luận, bảo vệ quan điểm của mình để bảo đảm xác định sự thật khách quan của vụ án. Người bào chữa được gặp bị can, bị cáo, thu thập và đưa ra những chứng cứ, trưng tập nhà chuyên môn^(*), có thể đề nghị Viện kiểm sát, Tòa án thu thập chứng cứ, hoặc đề nghị Tòa án thông báo cho nhân chứng ra tòa làm chứng. Sự bình

đẳng về địa vị tố tụng giữa bên buộc tội và bên bào chữa trước Tòa án thể hiện rõ nét trong các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về quyền của các chủ thể khi tham gia tố tụng.

Đặc biệt tại phiên tòa xét xử, các bên buộc tội và bào chữa có quyền đưa ra yêu cầu loại trừ chứng cứ trong thủ tục thẩm tra hồ sơ trước khi xét xử vụ án, có quyền hỏi bị cáo, người bị hại, người làm chứng, người giám định; xuất trình các tài liệu trước Tòa án, tham gia vào việc thẩm tra các chứng cứ, đưa ra yêu cầu, tranh luận, phát biểu quan điểm của mình về lời buộc tội tại phiên tòa.

Thứ tư, cần cải tiến các thủ tục tố tụng tại phiên tòa để bảo đảm tranh tụng dân chủ, bình đẳng giữa bên buộc tội và bên bào chữa. Nên có quy định thủ tục thẩm tra sơ bộ trước khi xét xử vụ án, loại trừ chứng cứ bất hợp pháp; thủ tục xét hỏi kiểm tra chéo chứng cứ, tranh luận, đối đáp bình đẳng tại phiên tòa của bên buộc tội và gỡ tội. Bên bào chữa được tạo cơ hội bình đẳng như Viện kiểm sát trong việc thực hiện chức năng bào chữa, chứng minh bị can, bị cáo không phạm tội hoặc giảm tội, giảm mức hình phạt.

Tòa án phải thực sự là hiện thân của công lý, của sự khách quan, vô tư trong quá trình xét xử vụ án. Tòa án chỉ thực hiện chức năng xét xử, không thực hiện việc buộc tội bị cáo. Bất cứ thẩm quyền nào của Tòa án mâu thuẫn với chức năng xét xử, ảnh hưởng đến tính khách quan của Tòa án đều phải bị loại bỏ. Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện để các bên tranh tụng dân chủ tại phiên tòa; tôn trọng và lắng nghe đầy đủ ý kiến của các bên, ra phán quyết trên cơ sở kết quả tranh tụng dân chủ tại phiên tòa.

(*) Các điều từ 316-13 đến 316-24 Bộ luật Tố tụng hình sự Nhật Bản.

Nói tóm lại, tranh tụng trong tố tụng hình sự không chỉ là thành tựu pháp lý đơn thuần, mà cao hơn nó là thành tựu của sự phát triển tư tưởng của nền văn minh nhân loại. Đây là cơ chế tố tụng có hiệu quả bảo đảm cho Tòa án xác định sự thật khách quan của vụ án, giải quyết đúng đắn vụ việc, đảm bảo sự công bằng và bảo vệ các quyền và lợi ích của các bên tham gia tố tụng. Nhật Bản đã thành công trong việc áp dụng mô hình tố tụng hỗn hợp (tố tụng tranh tụng và tố tụng thẩm vấn). Đây cũng là mô hình mà Việt Nam đang xây dựng theo Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 của Bộ chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 nên các kinh nghiệm của Nhật Bản rất có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn □

Tài liệu tham khảo

1. Bộ luật Tố tụng hình sự Nhật Bản, Luật số 131 năm 1948, sửa đổi năm 2004, bản dịch của Viện Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp, Hà Nội, 2010.
2. William B. Cleary (1991), "The Law of Criminal Procedure in Contemporary Japan", *The Hokkaido Law Review*, Vol.42.
3. Hoàng Văn Hiệu, Nguyễn Việt Hà (2012), "Một số mô hình tố tụng hình sự trên thế giới và mô hình tố tụng hình sự ở Việt Nam theo tiến trình cải cách tư pháp", *Tạp chí Kiểm sát*, số 20.
4. Nguyễn Ngọc Kiện (2015), "Thủ tục xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa hình sự sơ thẩm ở Nhật Bản và gợi mở đối với Việt Nam", *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 324, tháng 4.
5. Supreme Court of Japan (2014), *Outline of Criminal Procedure in Japan*, file:///C:/Users/Truong%20Th%20u%20Trang/OneDrive/Ho%20so%20d%20i%20hoc%20Dai%20Loan/20140417-criminal-design.Japan.pdf
6. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (2015), *Báo cáo tham khảo pháp luật tố tụng hình sự của một số nước trên thế giới (Pháp, Đức, Anh, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Nga, Trung Quốc)*, Tài liệu báo cáo Quốc hội, Hà Nội.
7. Viện Khoa học pháp lý (1999), *Chuyên đề về tư pháp hình sự so sánh*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.